TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2024/QĐST-VDS	*Mai Sơn, ngày 19 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 105/2024/VDS-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận T tình ly hôn, thỏa T nuôi con, phân chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tiểu khu a, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Cao Minh T, sinh năm 1985. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, K, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Cao Minh T kết hôn với nhau từ năm 2019 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 07/10/2019. Chị N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp, sức khẻo chị không tốt không thể làm nông nghiệp được. Vì vậy chị đã bỏ về bên ngoại sinh sống. Anh T cho rằng khi kết hôn được mấy hôm không biết lý do vì sao chị N tự ý bỏ về nhà bên ngoại và không cho anh biết lý do vì sao. Và anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh chị xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị N, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu công nhận T tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn

cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N, anh T.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh chị không có con chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Anh chị không có nợ chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét.

[5] Về lệ phí tòa án: Chị N tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí công nhận T tình ly hôn theo quy định.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận T tình ly hôn và thỏa T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 11 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận T tình ly hôn và sự thoả T của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Cao Minh T thống nhất T tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

- Về nợ chung vợ chồng: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Hằng N nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận T tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001307 ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân